

Bản án số: 01/2019/HS-ST

Ngày: 25- 02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L Phương.

Thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hậu

Bà Nguyễn Mỹ Linh

Ông Hà Minh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1960 tại tỉnh Thái Nguyên.

ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố NL, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Dương Thị C (đều đã chết); gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ năm; có vợ là Hồ Bội L, sinh năm 1964 và có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 09/4/2018 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án yêu cầu đoàn luật sư cử: Ông Phạm Quốc Ch, luật sư văn phòng luật sư ĐV thuộc đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

* Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1975.

Trú tại: Tổ dân phố 3 NH, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

2. Chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1997 (có mặt).

Trú tại: Tổ 9, phường PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hồ Bội L, sinh năm 1964 (có mặt).

Trú tại: Tổ dân phố NL, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

* Người làm chứng:

1. Ông Phạm Bá K, sinh năm 1963 (có mặt).

2. Ông Dương Quang X, sinh năm 1962 (vắng mặt)

3. Ông Dương Như Th, sinh năm 1976 (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm ĐK, xã ĐX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

5. Bà Đàm Thị Lh, sinh năm 1976 (có mặt)

Trú tại: Tổ dân phố 3, NH, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

6. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Trú tại: Tổ dân phố S, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

7. Ông Nguyễn Từ L2, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Trú tại: Xóm ĐV, xã ĐL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

8. Bà Đặng Thị Ph, sinh năm 1940 (vắng mặt);

Trú tại: Tổ 14, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

9. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1932 (có mặt).

Trú tại: Tổ dân phố 3 NH, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

10. Anh Nguyễn Văn T3 (K), sinh năm 1999 (vắng mặt);

Trú tại: Tổ dân phố S, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017, Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị A có tranh chấp với nhau về bụi tre nằm ở rìa suối, thuộc thửa đất số 630, tờ bản đồ địa chính số 02, phường LS, thành phố SC (không thuộc phần đất sở hữu của gia đình M và gia đình bà A.

Khoảng 8^h30' ngày 08/4/2018, sau khi đồng ý bán bụi tre trên cho ông Phạm Bá K, sinh năm 1963, trú tại xóm ĐK, xã ĐX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên với giá 1.000đ/01m thân cây tre, bà A bế cháu ngoại là Trần Tuấn K, sinh ngày 26/4/2017, trú tại tổ 9, phường PX, thành phố Thái Nguyên và đưa ông K cùng 03 người thợ chặt tre của ông K gồm ông Dương Quang X; ông

Nguyễn Văn M, anh Dương Như Th, đều trú tại xóm ĐK, xã ĐX, huyện PB ra vị trí bụi tre để chặt tre.

Lúc này, Nguyễn Văn M cầm 01 con dao bằng kim loại màu trắng có kích thước (chuôi dao dài 12cm, lưỡi dao dài 45cm, bản rộng 4,5cm) đang đứng cách vị trí bụi tre khoảng 100m định đi chặt cây chuối để chắn lợn thì nhìn thấy có người đang chặt bụi tre trên. M cầm dao đi đến và nói “Bụi tre này của nhà tôi các ông không được chặt nữa”, ông K, ông X và ông M dừng lại không giật cành tre nữa. Bà A đứng gần đó nói với M: “Tôi gọi người đến chặt chứ không phải họ tự đến chặt”; sau đó bà A nói với những người chặt tre “Các ông cứ chặt đi, tre của nhà tôi không ai giữ được”. M và bà A cãi nhau, cả hai cho rằng bụi tre là của nhà mình. Khoảng 5 phút sau, chị Hoàng Thị L1 (là con gái của bà A) đi đến. Chị L1 đứng trên đường bê tông nói với M “Ông sống như thế nào để đức cho con cháu về sau”, M nói “Tao đeo phải để đức cho ai cả, tiên sư mày, mày bảo tao thất đức à, mày chỉ bằng tuổi con, tuổi cháu tao thôi”. Sau đó bà A, chị L1 tiếp tục tranh cãi với M về việc tranh chấp bụi tre. M nói “Hôm nay chúng mày mà động vào bụi tre thì tao chém”; chị L1 nói “Đây không phải là bụi tre của nhà ông, ông không có quyền thách thức ai cả, ông rút về, đây không phải là nhà ông; ông già rồi đừng để tôi động đến lòng tự trọng của ông”, sau đó M, bà A và chị L1 tiếp tục cãi nhau. Khi tranh cãi, bà A và chị L1 đều tiến đến vị trí đứng của M và dùng tay chỉ vào mặt của M. Thấy vậy, M lùi về phía sau khoảng 2 bước, mặt đối diện với bà A và chị L1, rồi M dùng tay trái gạt tay của bà A ra, thì bà A quay mặt ra phía sau, đồng thời lúc này M cầm dao ở tay phải, vung dao lên cao qua đầu chém phần lưỡi dao 01 nhát từ trên xuống dưới, từ phải sang trái trúng vào vùng đầu phía sau của bà A. Sau đó M tiếp tục dùng dao chém liên tiếp hai nhát dao theo hướng từ trên xuống dưới vào vùng đầu của bà A. Bị chém, bà A ngồi xuống đường bê tông, tay trái vẫn bế cháu K, tay phải đưa lên che đầu. Thấy bà A bị chém, chị L1 tiến đến định can ngăn thì bị M giơ dao chém, thấy vậy chị L1 quay mặt đi định chạy thì bị M dùng dao chém một nhát theo hướng từ phải sang trái trúng vào vùng đầu phía sau, chị L1 bỏ chạy sang bên phải đường bê tông dân sinh, M cầm dao đuổi theo chém thêm một nhát nữa theo hướng từ phải sang trái trúng vào vùng đầu phía sau, chị L1 tiếp tục bỏ chạy, khi đang chạy nhìn quay lại phía sau thì bị M chém 01 nhát trúng vào gò má phải. Sau khi chém chị L1, M cầm dao quay lại vị trí bà A đang ngồi, M dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát (khoảng 03 nhát) trúng vào vùng đầu của bà A. Trong lúc M chém bà A do dao bị long chuôi nên M cầm một phần vào gốc lưỡi dao để chém tiếp nên bị rách da chảy máu ở ngón tay giữa và lòng bàn tay phải.

Thấy mẹ bị chém, chị L1 đi đến kêu cứu, M cầm dao đuổi theo chị L1 chạy vào nhà anh Nguyễn Văn T3 (thường gọi là K), trú tại tổ 12, phường HS, thành phố TN, vừa đuổi M vừa nói “Để xem mày có chạy được không”, chị L1 chạy ra phía sau nhà anh T3 rồi vòng về phía sân trước nhà. M vẫn tiếp tục đuổi theo chị L1 và nói “Tao chém mày chết”. Thấy M cầm dao đuổi theo chị L1, anh Thư và ông Nguyễn Từ L2, trú tại xóm ĐV, xã ĐL, thành phố TN can ngăn, M cầm dao quay lại vị trí bà A đang nằm, đứng ngang tầm đầu của bà A dùng dao chém 01 nhát dao theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào trán của bà A. Sau khi chém bà A, M dùng chân dẫm và day nhẹ vào mặt của bà A và nói “Mày còn chửi được nữa không?”. Lúc này, quần chúng nhân dân có mặt tại đó can ngăn nên M không chém bà A nữa mà cầm dao đi theo đường bờ ruộng đi về trang trại nuôi lợn của gia đình mình. Bà A được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện GT từ ngày 8/4/2018 đến ngày 9/4/2018, sau đó chuyển xuống Bệnh viện HNVD điều trị từ ngày 9/4/2018 đến ngày 12/4/2018, tiếp tục điều trị tại Bệnh viện Đa khoa TŨ Thái Nguyên từ ngày 12/4/2018 đến ngày 24/4/2018, ngày 27/4/2018 khám tại Bệnh viện mắt TŨ. Còn chị L1 được đưa đến Bệnh viện GT Thái Nguyên cấp cứu và điều trị từ ngày 8/4/2018 đến ngày 17/4/2018 thì ra viện.

* Khám nghiệm hiện trường xác định:

Hiện trường nơi phát hiện vụ việc là tại đường bê tông dân sinh thuộc địa phận tổ dân phố 3 NH, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

- Hướng Bắc tiếp giáp hiện trường là bụi tre và khu bãi đất trống; Hướng Nam tiếp giáp hiện trường là khu đất trống có nhiều cây mọc ven đường; Hướng Tây tiếp giáp hiện trường là đoạn đường dân sinh hướng đi ra đường QL 37, Hướng Đông tiếp giáp hiện trường là đoạn đường dân sinh hướng đi vào tổ dân phố 3 NH, phường HS, thành phố SC.

+ Hiện trường cụ thể

- Có 01 vùng vật chất màu nâu nghi là máu, kích thước 0,56 x 0,27m, tâm vùng vật chất cách cột điện số 84 là 10,05m về phía Đông Bắc, cách mép đường bên trái 2m (Vị trí số 1). Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sông Công đã tiến hành thu giữ mẫu vật chất trên niêm phong vào bì niêm phong ký hiệu M1.

- Có 01 vùng vật chất màu nâu nghi là máu dạng nhỏ giọt nằm rải rác trên mặt đường, kích thước 1,6 x 0,8m, tâm vùng vật chất cách tâm vùng (1) là 0,73m về phía Đông Bắc và cách mép đường bên trái là 1,3m (vị trí số 2).

- Có 01 vùng vật chất màu nâu nghi là máu dạng nhỏ giọt nằm rải rác trên mặt đường, kích thước 0,67 x 0,1m, tâm vùng vật chất cách tâm vùng (1) là 3,5m và cách mép đường bên trái là 2,55m (vị trí số 3). Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sông Công thu giữ mẫu vật chất trên niêm phong vào bì niêm phong ký hiệu M2.

- Mở rộng hiện trường phát hiện nhiều dấu vết màu nâu nghi là máu dạng nhỏ giọt nằm rải rác trên đoạn đường từ vị trí số (3) đến bên trong phòng khách của gia đình ông Nguyễn Văn T (cách hiện trường cụ thể 65m về hướng Tây).

Tại bản kết luận giám định số 2132/C54 (TT3) ngày 31/5/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

“1. Trên phần chuôi của con dao (ký hiệu D) gửi giám định có dính máu của một người đàn ông, không phải máu của Hoàng Thị L1 và Nguyễn Thị A.

2. Trên phần lưỡi của con dao (ký hiệu D) gửi giám định có dính máu của Nguyễn Thị A và máu của một người đàn ông đã để lại máu trên phần chuôi của con dao (ký hiệu D)”.

Tại bản kết luận giám định số 2414/C54 (TT3) ngày 22/6/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

“1. Trên phần chuôi của con dao (ký hiệu D) gửi theo quyết định trưng cầu giám định số 60 ngày 18/4/2018 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên có dính máu của Nguyễn Văn M.

2. Dấu vết màu nâu đỏ ghi thu tại hiện trường (ký hiệu M1) là máu người và là máu của Nguyễn Thị A.

3. Dấu vết màu nâu đỏ ghi thu tại hiện trường (ký hiệu M2) là máu người và là máu của Hoàng Thị L1.

4. Các dấu vết nghi máu bám dính trên các mẫu vật ký hiệu Q gồm chiếc áo khoác màu nâu, trên chiếc áo sơ mi dài tay màu xanh đều là máu người và là máu của Nguyễn Văn M.

5. Các dấu vết nghi máu bám dính trên chiếc quần dài (ký hiệu Q) là máu người và là máu của Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị A.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 104/TgT ngày 13/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên đối với bà Nguyễn Thị A kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Đa chấn thương; Vỡ xương vòm sọ; dập não, xuất huyết dưới nhện vùng trán (P); Cụt đốt 2 ngón 4 bàn tay (P); cụt đốt 1 ngón 5 bàn tay (P); gãy đốt 2 ngón 3 bàn tay (T); có 07 vết sẹo kích thước nhỏ; 01 vết sẹo KT lớn. Đứt gân duỗi đốt 2 ngón 3 (T), gân duỗi cổ tay quay (P).

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 66%. Áp dụng theo phương pháp cộng lùi”.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 220 TgT ngày 20/7/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên đối với bà Nguyễn Thị A kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Đa chấn thương; Vỡ xương trán lệch (P) L vào trần ổ mắt, có mảnh xương rời trong hốc mắt; dập não, xuất huyết

dưới nhện vùng trán (P); Cụt đốt 2 ngón 4 bàn tay (P); cụt đốt 1 ngón 5 bàn tay (P); gãy đốt 2 ngón 3 bàn tay (T); có 07 vết sẹo kích thước nhỏ; 01 vết sẹo KT lớn; gãy đầu dưới xương quay (P); đứt gân duỗi đốt 2 ngón 3 (T), gân duỗi cổ tay quay (P).

* Tồn thương dây thần kinh thị giác của bà Nguyễn Thị A, tỷ lệ 0%.

Tách tỷ lệ từng vết thương:

- Tỷ lệ tồn thương cơ thể do thương tích vỡ xương trán lệch (P) L vào trần ổ mắt, có mảnh xương rời trong hốc mắt (P) tỷ lệ 21%.

- Vỡ xương ổ mắt, không ảnh hưởng đến thị lực tỷ lệ 7%.

- Dập não tỷ lệ 31%

- Xuất huyết dưới nhện vùng trán (P) tỷ lệ 16%

- Cụt đốt 2 ngón 4 bàn tay (P) tỷ lệ 3%

- Cụt đốt 1 ngón 5 bàn tay (P) tỷ lệ 5%.

- Gãy đốt 2 ngón 3 bàn tay (T) tỷ lệ 1%.

- 07 vết sẹo KT nhỏ, tỷ lệ 7%

- 01 vết sẹo KT lớn, tỷ lệ 8%.

- Gãy đầu dưới xương quay, tỷ lệ 6%.

- Đứt gân duỗi đốt 2 ngón 3 (T) tỷ lệ 3%

- Đứt gân duỗi cổ tay quay (P) tỷ lệ 3%.

+ Cộng lại: 21% + 7% + 31% + 16% + 3% + 5% + 1% + 7% + 8% + 6% + 3% + 3% = 70,60% (làm tròn 71%).

2. Tổng tỷ lệ tồn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 71%.

Áp dụng theo phương pháp cộng lùi.

- Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 102/TGT ngày 09/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên đối với chị Hoàng Thị L1, kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vùng gò má (P) có 01 vết thương, vùng cằm có 02 vết thương đang liền sẹo còn chỉ khâu KT nhỏ.

2. Tỷ lệ tồn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 7%. Áp dụng theo phương pháp cộng lùi.

Cơ chế hình thành những vết thương tích: Do vật có cạnh sắc gây nên.

2. Kết luận khác: Việc đánh giá vết thương vùng mặt có ảnh hưởng đến thẩm mỹ hay không, để khi liền sẹo, bệnh nhân ra viện, Cơ quan CSĐT có thể trung cầu giám định bổ sung.

- Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 154/TgT ngày 22/5/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên đối với chị Hoàng Thị L1 kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vùng cằm có 02 vết sẹo màu nâu nhạt (vết 01 KT dài 8 cm x rộng 0,2cm; vết 2 KT dài 3cm x rộng 0,2cm). Vùng gò má phải có vết sẹo màu nâu nhạt, lõm, xấu, ảnh hưởng đến thẩm mỹ KT dài 3cm x rộng 0,2cm. Vỡ mẻ thành trước xoang hàm (P).

- Vỡ mẻ thành trước xoang hàm (P), tỷ lệ 11%.

- Sẹo vết thương vùng mặt có ảnh hưởng đến thẩm mỹ, tỷ lệ 11% (Trong đó đã có tỷ lệ thương tích là 3% sẹo vết thương phần mềm vùng mặt KT nhỏ được xác định tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 102/TgT ngày 09/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên).

- Sẹo vùng cằm màu nâu nhạt KT dài 8cm x rộng 0,2cm, tỷ lệ 3%

- Sẹo vùng cằm màu nâu nhạt KT dài 3cm x rộng 0,2cm 1%.

Cộng lại: 11% + 11% + 3% + 1% = 23,93% (làm tròn = 24%).

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên theo hồ sơ điều trị tại Bệnh viện GT và thực tế trên đối tượng giám định hiện tại là 24%. Áp dụng theo phương pháp cộng lại”.

Bà Nguyễn Thị A, chị Hoàng Thị L1 có đơn yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn M bồi thường tổng số tiền là: 454.358.000đ, (trong đó: Của bà A 382.800.000đ; của chị L1 71.558.000đ).

Bà Hồ Bội L, sinh năm 1964, trú tại tổ dân phố NL, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (là vợ của bị cáo Nguyễn Văn M) thay cho bị cáo Nguyễn Văn M đã giao cho bà Nguyễn Thị A số tiền 10.000.000đ để thực hiện một phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 con dao bằng kim loại màu trắng, lưỡi dao và chuôi dao bị dờ, lưỡi dao có kích thước 45cm x 4,5cm, chuôi dao dài 12cm; 01 chiếc áo khoác màu nâu nhãn hiệu FUSHI; 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu xanh; 01 chiếc quần dài và các vật chứng khác.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKS(P2) ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Giết người” quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Giết người”; Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn M từ 14 năm tù đến 15 năm tù; về trách

nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 590 Bộ luật dân sự, chấp nhận thỏa thuận của bị cáo và những người bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị A cụ thể các khoản như sau. Tiền viện phí và tiền chi phí khác 15.213.000đ; Tiền mất thu nhập của người bị hại trong quá trình nằm viện 53 ngày x 250.000đ = 13.250.000đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc cho người bị hại 53 ngày x 250.000đ = 13.250.000đ; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần 50 tháng lương cơ sở x 1.390.000/tháng = 69.500.000đ. Tổng cộng là 111.213.000đ bị cáo đã bồi thường được 25.000.000đ, nay còn phải bồi thường tiếp 86.213.000đ; Bồi thường cho chị Hoàng Thị L1 cụ thể các khoản sau. Tiền viện phí 1.458.000đ; Tiền mất thu nhập của người bị hại trong quá trình nằm viện 9 ngày x 250.000đ = 2.250.000đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc cho người bị hại 9 ngày x 250.000đ = 2.250.000đ; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần 15 tháng lương cơ sở x 1.390.000đ/tháng = 20.800.000đ. Tổng cộng là 26.808.000đ, bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ, nay còn phải bồi thường tiếp 21.808.000đ; Vật chứng vụ án: tịch thu tiêu hủy số vật chứng thu giữ gồm con dao, áo, quần và một số mẫu hoàn trả sau giám định.

Bị cáo không tranh luận gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh, Điều khoản viện kiểm sát đã truy tố. Nguyên nhân bị cáo phạm tội là do bị cáo cùng gia đình sinh sống tại mA đất đó đã trên 30 năm, búi tre có tranh chấp là gần thửa đất của nhà ông M, ông M trực tiếp là người chăm sóc nhiều năm, từ việc người bị hại bán tre vào ngày 08/4/2018, nên giữa bị cáo và mẹ con bà A đã xảy ra cãi chửi nhau, người bị hại đã xúc phạm bị cáo tinh thần bị cáo bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của chị L1 và bà A vừa chửi vừa chỉ tay vào mặt bị cáo, bị cáo không kìm chế được dẫn đến bị cáo chém người bị hại, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự phạm tội do bột phát, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn ăn năn hối cải khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, gai đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường 30 triệu cho người bị hại, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s,b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội giết người chưa đạt, có nhân thân tốt, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo được áp dụng Điều 15; Điều 57 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt; Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại tiền viện phí, chi phí thực tế, tiền mất thu nhập và tiền tổn thất tinh thần cho người bị hại, đề nghị xem xét điều kiện thực tế của bị cáo hiện nay để buộc bồi thường.

Viện kiểm sát đối đáp: Nhìn chung luật sư nhất trí về tội danh và Điều luật truy tố, tuy nhiên luật sư có đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự thì viện kiểm sát thấy giữa bị cáo và người bị hại có quá trình đôi co lời qua tiếng lại, cả hai đều có những lời nói khiếm nhã, như vậy không thể là tình thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của người bị hại; về trách nhiệm dân sự bị cáo và những người bị hại đã thỏa thuận, việc thỏa thuận đó không trái pháp luật nên cần chấp nhận thỏa thuận đó. Viện kiểm sát đã phân tích và đề nghị mức hình phạt 14 năm tù đến 15 năm tù là phù hợp.

Luật sư: những người bị hại có lời nói khiếm nhã sấn sổ dùng tay chỉ vào mặt bị cáo nên bị cáo không kiểm chế được dẫn đến hành vi phạm tội.

Bị cáo M nhất trí với luận cứ của người bào chữa không bổ sung gì thêm, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được xin lỗi những người bị hại chỉ vì một phút không kìm chế bị cáo đã gây nên tội, mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh tuổi của bị cáo cũng như sức khỏe hiện nay của bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Văn M thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo là đúng không oan. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan phù hợp với biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định của viện khoa học hình sự Bộ công an, bệnh án điều trị của những người bị hại, kết luận giám định pháp y về thương tích đối với những người bị hại và lời khai của người bị hại và lời khai của những người làm chứng. Như vậy hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do giữa gia đình bị cáo M tranh chấp với gia đình bà Nguyễn Thị A về bụi tre nằm ở rìa suối, thuộc thửa đất số 630, tờ bản đồ địa chính số 02, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

(bụi tre đó không thuộc bìa đỏ của gia đình bị cáo cũng như gia đình người bị hại), khoảng 8^h30' ngày 08/4/2018 gia đình bà A có bán bụi tre cho một số người ở huyện PB, khi tốp thợ chặt tre tiến hành chặt tre thì giữa bị cáo M và bà A xảy ra xô xát chửi nhau, Nguyễn Văn M đã dùng con dao bằng kim loại màu trắng có kích thước (chuôi dao dài 12cm, lưỡi dao dài 45cm, bản rộng 4,5cm) chém nhiều nhát vào vùng đầu, trán, tay bà Nguyễn Thị A, sau đó bị cáo lại đuổi theo chém chị Hoàng Thị L1 là con gái của bà A. Hậu quả bà A tổn hại 71% sức khỏe; chị L1, tổn hại 24% sức khỏe.

Với hành vi trên bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Giết người” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 123 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

a. Giết hai người trở lên.

b...n. Có tính chất côn đồ.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sức khỏe, tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo đáng lên án, chỉ vì một phút không suy nghĩ bị cáo đã dùng dao chém bà A và chị L1, bà A và chị L1 không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Hành vi của bị cáo gây hoang mang và dư luận xấu trong nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo phải xét xử nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự, để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã tác động về gia đình khắc phục một phần hậu quả và tại phiên tòa gia đình bị cáo lại tiếp tục bồi thường cho những người bị hại, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s,b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo công khai xin lỗi những người bị hại. Bị cáo phạm tội chưa đạt do đó khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 15; Điều 57 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện tính khoan hồng trong pháp luật nhà nước ta.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo và những người bị hại thỏa thuận việc bồi thường cụ thể như sau.

*Bồi thường cho bà Nguyễn Thị A:

- Tiền viện phí và tiền chi phí khác

15.213.000đ

- Tiền mất thu nhập của người
bị hại trong quá trình nằm viện 53 ngày x 250.000đ = 13.250.000đ;
- Tiền mất thu nhập của người
chăm sóc cho người bị hại 53 ngày x 250.000đ = 13.250.000đ
- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần
50 tháng lương cơ sở x 1.390.000/tháng = 69.500.000đ.
Tổng là 111.213.000đ

Bị cáo đã bồi thường được 25.000.000đ, nay còn phải bồi thường tiếp 86.213.000đ (Tám mươi sáu triệu hai trăm mười ba ngàn đồng).

* Bồi thường cho chị Hoàng Thị L1:

Tiền viện phí 1.458.000đ
Tiền mất thu nhập của người bị hại
trong quá trình nằm viện 9 ngày x 250.000đ = 2.250.000đ
Tiền mất thu nhập của người chăm sóc
cho người bị hại 9 ngày x 250.000đ = 2.250.000đ
Tiền bù đắp tổn thất tinh thần
15 tháng lương cơ sở x 1.390.000đ/tháng = 20.800.000đ.
Tổng là 26.808.000đ

Bị cáo đã bồi thường được 5.000.000đ, nay còn phải bồi thường tiếp 21.808.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm linh tám ngàn đồng).

[6] Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: số vật chứng thu giữ cùng một số mẫu hoán trả sau giám định trong vụ án không còn giá trị sử dụng.

[7] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Qua khám xét thương tích của bị cáo, bị cáo bị 01 vết thương ở tay, quá trình điều tra xác định vết thương đó là do bị cáo tự gây ra nên cơ quan điều tra không xem xét.

Như phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện viện kiểm sát và của luật sư.

Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Giết người”

1. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn M 13 năm 06 tháng (Mười ba năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tạm giam bị cáo Nguyễn Văn M 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 590; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải bồi thường cho:

* Bà Nguyễn Thị A:

- Tiền viện phí và tiền chi phí khác 15.213.000đ
- Tiền mất thu nhập của người bị hại trong quá trình nằm viện 53 ngày x 250.000đ = 13.250.000đ;
- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc cho người bị hại 53 ngày x 250.000đ = 13.250.000đ
- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần
50 tháng lương cơ sở x 1.390.000/tháng = 69.500.000đ.
- Tổng là 111.213.000đ

Bị cáo đã bồi thường được 25.000.000đ, nay còn phải bồi thường tiếp 86.213.000đ (Tám mươi sáu triệu hai trăm mười ba ngàn đồng).

* Chị Hoàng Thị L1:

- Tiền viện phí 1.458.000đ
- Tiền mất thu nhập của người bị hại trong quá trình nằm viện 9 ngày x 250.000đ = 2.250.000đ
- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc cho người bị hại 9 ngày x 250.000đ = 2.250.000đ
- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần
15 tháng lương cơ sở x 1.390.000đ/tháng = 20.800.000đ.
- Tổng là 26.808.000đ

Bị cáo đã bồi thường được 5.000.000đ, nay còn phải bồi thường tiếp 21.808.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm linh tám ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo M không bồi thường khoản tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao bằng kim loại màu trắng, lưỡi dao và chuôi dao bị dùi, lưỡi dao có kích thước 45cm x 4,5cm, chuôi dao dài 12cm, cả chuôi dao và lưỡi dao đều có dấu vết màu nâu đỏ đã khô.

- 01 hộp niêm phong, trên hộp niêm phong có chữ ký niêm phong mang tên Nguyễn Hải Quân, Lê Thu Trang và 06 hình dấu tròn của Viện khoa học hình sự Tổng cục CA sát bên trong có

+ 01 chiếc áo khoác màu nâu nhãn hiệu FUSHI, mặt trong áo có lót nỉ, áo cũ bẩn và có dính dấu vết màu nâu, đã khô;

+ 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu xanh, áo đã bị rách chỉ, trên áo có dính dấu vết màu nâu đen, đã khô;

+ 01 chiếc quần dài, phần gối của ống quần bên trái có vết rách và đã được vá, trên quần có dính dấu vết màu nâu, đã khô;

+ Phần còn lại sau giám định của 01 mẫu máu ghi thu tại vị trí số 1 tại hiện trường (ký hiệu M1).

+ Phần còn lại sau giám định của 01 mẫu máu ghi thu tại vị trí số 3 tại hiện trường (ký hiệu M2).

+ Phần còn lại sau giám định của 01 mẫu máu ghi thu của Nguyễn Văn M (ký hiệu BC).

- 01 mảnh gạc y tế (phần còn lại sau giám định của mẫu máu ghi thu của Nguyễn Thị A).

- 01 mảnh gạc y tế (phần còn lại sau giám định của mẫu máu ghi thu của Hoàng Thị L1).

(Hiện nay vật chứng có tại kho Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/12/2018)

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí. Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 5.400.000đ án phí dân sự sung quỹ Nhà nước.

Điều 26 Luật thi hành án Dân Sự quy định: “Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại bà A và chị L1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở TP;
- VKStỉnh TN;
- CA tỉnh TN; Trại TG;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị L Phương